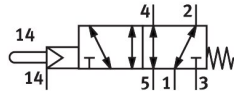


# Van dạng thanh đẩy VMEF-SCZ-M52-M-G18

Số bộ phận: 8031328

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                            |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/2 đơn ổn định                                                    |
| Kiểu vận hành                                              | cơ khí                                                             |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 20 mm                                                              |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 750 l/ph                                                           |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | G1/8                                                               |
| Áp suất vận hành                                           | -0.095 MPA...1 MPA<br>-0.95 bar...10 bar                           |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                               |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                       |
| Chiều rộng định mức                                        | 5.2 mm                                                             |
| Lưu ý áp dụng                                              | không sử dụng như một cửa chặn cơ học                              |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                                |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                             |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                                   |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | bên ngoài                                                          |
| Hướng dòng chảy                                            | có thể đảo ngược                                                   |
| Xếp chồng                                                  | gối chống dương                                                    |
| Áp suất điều khiển                                         | 0.25 MPA...1 MPA<br>2.5 bar...10 bar<br>36.25 psi...145 psi        |
| Tần số chuyển mạch tối đa                                  | 3 Hz                                                               |
| Chống cháy nổ                                              | Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]                               |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)      |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                             |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                                  |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                                     |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                                     |
| Lực kích hoạt                                              | 14 N                                                               |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 151 g                                                              |

| Đặc tính                      | Giá trị                    |
|-------------------------------|----------------------------|
| Kiểu gắn                      | với lỗ xuyên               |
| Cổng nối khí điều khiển 12/14 | M5                         |
| Cổng nối khí nén 1            | G1/8                       |
| Cổng nối khí nén 2            | G1/8                       |
| Cổng nối khí nén 3            | G1/8                       |
| Cổng nối khí nén 4            | G1/8                       |
| Cổng nối khí nén 5            | G1/8                       |
| Ghi chú vật liệu              | Tuân thủ RoHS              |
| Vật liệu phủ                  | PA gia cố                  |
| Vật liệu của phốt             | NBR                        |
| Vật liệu vỏ                   | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa |